

## Bài báo nghiên cứu

# NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG ĐIỆP NGỮ TRONG TỪ PHẨM CỦA LÝ THANH CHIẾU

*Dương Vĩnh Hưng*

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Dương Vĩnh Hưng – Email: [hung.yongxing@gmail.com](mailto:hung.yongxing@gmail.com)*

*Ngày nhận bài: 28-12-2023; ngày nhận bài sửa: 22-3-2024; ngày duyệt đăng: 24-4-2024*

### TÓM TẮT

*Lý Thanh Chiếu là một trong những tác giả nữ của văn học Trung Quốc cổ đại, sánh ngang với các thi nhân nam giới cùng thời và trước đó. Lý Thanh Chiếu cũng góp phần kiến tạo một loại mỹ cảm cho chính thể loại này dựa trên hai quan niệm “biệt thị nhất gia 别是一家” và “từ tất hiệp luật 词必协律” – đó là vẻ đẹp được thể hiện qua âm luật, phải có sự hòa hợp giữa nó đối với âm nhạc nhưng cũng cần phân tách rõ ràng với thơ. Bài viết tiếp cận từ phẩm của Lý Thanh Chiếu dựa trên yếu tố: nghệ thuật sử dụng điệp ngữ. Từ yếu tố này, bài viết tập trung phân tích các nghĩa nguyên tác của chữ Hán đồng thời đối chiếu với các bản dịch ở Việt Nam nhằm chỉ ra hiệu quả của nghệ thuật sử dụng điệp ngữ trong từ phẩm của Lý Thanh Chiếu là thể hiện khắc họa và gợi tả những cảm xúc của Lý Thanh Chiếu (đa phần là cảm xúc buồn thảm, rầu lòng, đau đớn, ảo não) đồng thời khiến cho không gian được gợi ra cũng mang một tâm trạng hắt hiu, cô quạnh, lãnh đạm như tâm trạng của từ nhân. Cuối cùng, thông qua đó cho thấy tài năng trong nghệ thuật sử dụng điệp ngữ cũng như vẻ đẹp nhạc tính trong từ phẩm của Lý Thanh Chiếu.*

**Từ khóa:** *mĩ học; văn học Trung Quốc; Lý Thanh Chiếu; từ Tống; điệp ngữ*

### 1. Đặt vấn đề

Lý Thanh Chiếu – một trong những tài nữ bậc nhất của văn đàn Trung Quốc cổ đại và của từ học. Sở dĩ bà được mệnh danh như thế bởi những đóng góp của bà đối với thể loại từ (từ Tống) – thiết lập và định hình nền tảng phong cách sáng tác cho Uyển ước từ phái. Ngoài ra, Lý Thanh Chiếu còn là nữ từ nhân góp phần kiến tạo một loại mỹ cảm cho chính thể loại này dựa trên hai quan niệm “biệt thị nhất gia” 别是一家 và “từ tất hiệp luật” 词必协律 – vẻ đẹp được thể hiện qua âm luật, phải có sự hòa hợp giữa nó đối với âm nhạc nhưng cũng cần phân tách rõ ràng với thơ. Từ phẩm thể hiện thế giới nội tâm của bà vừa gần gũi nhưng cũng vừa tao nhã; ngôn ngữ điêu luyện; âm luật sâu sắc. Trong đó, có thể kể đến nghệ thuật sử dụng điệp ngữ mà bà đã vận dụng trong toàn bộ hành trình sáng tác từ của mình.

**Cite this article as:** *Dương Vĩnh Hưng (2024). The art of repetition in Li Qingzhao's Song Ci. Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science, 21(4), 665-676.*

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm, thuật ngữ nghiên cứu

Từ – một trong những thể loại văn học của Trung Quốc gắn liền với âm nhạc, do vậy, nhạc tính là một trong những vấn đề quan trọng khi nghiên cứu thể loại này. Nhằm giải mã cấu trúc vẻ đẹp nhạc tính cũng như nghệ thuật điệp ngữ của Lý Thanh Chiếu, chúng tôi sử dụng một số số khái niệm, thuật ngữ cũng như lí thuyết nhằm xây dựng nền tảng phân tích. Bao gồm:

(1) Từ láy: “những từ được cấu tạo bằng cách nhân đôi tiếng gốc theo những quy tắc nhất định, sao cho quan hệ giữa các tiếng trong từ vừa điệp, vừa đối, hài hòa với nhau về âm và nghĩa, có giá trị tượng trưng hóa” (Dinh, 1994, p.33).

(2) Phép điệp: Một trong những biện pháp tu từ ngữ âm, “những cách phối hợp sử dụng khéo léo các âm thanh, đem đến cho phát ngôn (thông thường hơn cả là văn bản thơ) một cấu trúc âm thanh nhất định, nhằm tạo ra những màu sắc biểu cảm – cảm xúc nhất định.” (Dinh, 1994, p.33).

Ngoài ra, theo Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2006) trong *Từ điển thuật ngữ văn học* cho rằng điệp ngữ là:

Một hình thức tu từ có đặc điểm: một từ, cụm từ, câu hoặc đoạn thơ văn được lặp lại với dụng ý nhấn mạnh hoặc gây ấn tượng cho người đọc người nghe.

Giá trị nhấn mạnh và biểu cảm của điệp ngữ được hình thành trong mối quan hệ ngữ cảnh với những từ khác trong chuỗi lời nói. Thông thường, việc sử dụng điệp ngữ bao giờ cũng gắn liền với sự tăng tiến và vận động của ý nghĩ và cảm xúc.

Về mặt hình thức, điệp ngữ tạo cho lời văn thông suốt, nhịp nhàng, hoặc dồn dập, mạnh mẽ. (Le et al., 2006, pp.117-118)

Như vậy, có thể hiểu điệp ngữ là một biện pháp tu từ lặp đi lặp lại một từ hoặc một ngữ trong câu văn, đoạn văn hoặc câu thơ, đoạn thơ. Điệp ngữ có tác dụng nhấn mạnh ý nghĩa, cấu tứ đồng thời giúp cho câu văn, câu thơ, đoạn văn, đoạn thơ giàu âm điệu, giọng điệu trở nên tha thiết, nhịp nhàng hoặc hào hùng mạnh mẽ...

(3) Quan niệm “Tín, Đạt, Nhã” trong dịch văn bản chữ Hán:

*Tín* (faithfulness): đây được xem như là tiêu chuẩn quan trọng nhất. “Tín” nghĩa là đúng, ý nghĩa và ngôn ngữ của văn bản được dịch phải chính xác và bám vào nguyên tác Hán văn. “Phải dùng từng chữ, đủ từng ý và hết với giọng của hạng người nào về thời đại nào”.

*Đạt* (comprehensibility): văn bản dịch phải dễ hiểu, mạch lạc. Mục đích cuối cùng của “Đạt” chính là “Tín”.

*Nhã* (comformability): văn bản dịch phải có tính thẩm mỹ. “Kiều Thanh Quế cho rằng Nhã nên hiểu theo nghĩa “điểm nhã êm tai. Có khi dịch ra tiếng ấy thì đúng, nhưng theo văn ý nước mình thì nghe lại ra thô, lại phải dùng tiếng khác cùng tính cách ấy có ý nhã hơn thay vào””. (Pham, 2012)

Trong bài báo này, chúng tôi đặt yếu tố “tín” lên hàng đầu khi tiến hành dịch và so sánh bản dịch.

(4) Thanh điệu: “Những biến đổi về độ cao của âm tiết tạo nên những từ khác nhau, gọi là thanh điệu” (Bui & Hoang, 2007, p.47). Tiếng Hán cổ đại chia thành 04 thanh điệu: Bình (BT), Thượng (TT), Khứ (KT), Nhập (NT). Trong đó, thanh bình lại chia thành: âm bình và dương bình. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của tiếng Hán, thanh nhập tiêu biến và hòa vào các thanh còn lại, đồng thời xuất hiện “Khinh thanh”. Các thanh “Bình, Thượng, Khứ” tương ứng với các thanh điệu “1, 2, 3, 4” trong tiếng Hán hiện đại, cũng như các thanh bằng trắc.

## 2.2. Điệp ngữ – yếu tố biểu hiện vẻ đẹp nhạc tính và ngôn ngữ trong từ phẩm của Lý Thanh Chiêu

Điệp ngữ như một trong những yếu tố quan trọng nhằm chứng minh tính nhạc trong thơ ca, nó là một trong những biểu hiện giúp các nhà nghiên cứu phát hiện được một phần vẻ đẹp ngôn ngữ và nhạc tính trong từ phẩm của Lý Thanh Chiêu. Trong từ phẩm của bà, cách thức điệp khá phong phú, điệp cấu trúc và điệp ngữ bằng từ láy toàn phần. Trong *Như mộng lệnh – Thường kí khê đình nhật mộ* (如梦令 – 常记溪亭日暮):

Nguyên tác	Phiên âm Hán Việt
常记溪亭日暮，沉醉不知归路。兴尽晚回舟，误入藕花深处。争渡，争渡，惊起一滩鸥鹭。	Thường kí khê đình nhật mộ, trầm túy bất tri quy lộ. Hứng tận vãn hồi châu, ngộ nhập ngẫu hoa thâm xứ. <b>Tranh độ, tranh độ</b> , kinh khởi nhất than âu lộ.

Các bản dịch:

**Bảng 1. Bảng khảo sát, thống kê các bản dịch từ phẩm “Như mộng lệnh – Thường kí khê đình nhật mộ”**

Bản dịch của tác giả bài báo	Bản dịch nghĩa của Nguyễn Xuân Tảo	Bản dịch thơ của Nguyễn Xuân Tảo	Bản dịch thơ của Nguyễn Chí Viễn
Thường nhớ về buổi chiều ở đình bên khe suối, uống say quá quên cả lối về. Mãi mê đến tối trời mới đành quay về thuyền, nhưng lại lạc nơi đầm sen sâu thẳm. <b>Sao vượt qua đây, sao vượt qua đây</b> , tiếng thuyền chèo đã kinh động bầy cò bay lên.	Thường nhớ buổi chiều ở đình bên khe suối, say mềm không biết đường về. Hứng tan, chiều tối mới quay thuyền về, lạc vào cùng hoa sen sâu thẳm. <b>Tranh nhau bơi, tranh nhau bơi</b> , làm đàn cò vạc trên bãi sợ bay lên. <sup>2</sup>	Nhớ buổi chơi đình bên suối, say khướt chiều về quên lối. Hứng tận, quay mũi thuyền, lạc vào vùng sen đi mãi. <b>Bơi vợi, bơi vợi</b> , nhón nhác cò bay trên bãi. <sup>3</sup>	Từng nhớ khê đình chập tối, say khướt trở về quên lối. Hết hứng mãi quay thuyền, lạc giữa đầm sen len lối. <b>Chèo vợi, chèo vợi</b> , kinh động bầy cò bay rổi. <sup>4</sup>

<sup>2</sup> Nguyen, X. T. (translation) & Che, L.V. (introduction). (1999). *Tong tu* [Song Ci]. Hanoi: Literature Publishing House, p.188.

<sup>3</sup> Nguyen, X. T. (translation) & Che, L.V. (introduction). (1999). *Tong tu* [Song Ci]. Hanoi: Literature Publishing House, p.189.

<sup>4</sup> Nguyen, T. V. (1996). *Tuyen tap Tu Trung Hoa – Nhat Ban* [Anthology Ci From China – Japan]. Hanoi: Culture and Information Publishing House, p186-187.



Các bản dịch:

**Bảng 2. Bảng khảo sát, thống kê các bản dịch từ phẩm  
“Như mộng lệnh – Tạc dạ vũ sơ phong sậu”**

Bản dịch của tác giả bài báo	Bản dịch nghĩa của Nguyễn Xuân Tảo	Bản dịch thơ của Nguyễn Xuân Tảo	Bản dịch thơ của Nguyễn Chí Viễn
Đêm qua mưa lớt phớt nhưng gió thật lớn, đã say giấc ngủ nhưng men rượu vẫn chưa tan. Thử hỏi thị nữ đang cuộn rèm, người thưa: Hoa hải đường vẫn như cũ. <b>Có biết, có biết?</b> Phải là hồng phai thành xanh thắm.	Hôm qua mưa thưa, gió mạnh, ngủ say vẫn không tan hơi rượu. Hỏi thử cô cuốn rèm, Đáp là: “Cây hải đường vẫn như cũ”. <b>Có biết không, có biết không?</b> Chắc là màu xanh mập, sắc hồng gầy. <sup>6</sup>	Đêm qua mưa thưa, gió dữ, hơi rượu thêm nồng giấc ngủ. Hỏi thử cô cuốn rèm, thưa rằng: “Hải đường như cũ”. <b>Đúng chứ, đúng chứ?</b> Phải là hồng phai lục mỡ. <sup>7</sup>	Suốt ngày ngót mưa bùng gió. Say rượu ngủ lì không rõ. Ướm hỏi kẻ treo rèm, lại bảo hải đường như cũ. <b>Đâu có, đâu có?</b> Chùng hẳn lục tươi hồng võ. <sup>8</sup>

Đối với tiếng Trung, “知否” – “tri phủ” – được cấu thành bởi hai từ mang ý nghĩa riêng biệt với 知 mang nghĩa biết; 否 mang nghĩa phủ nhận hoặc nghi vấn tương ứng với phó từ “không” trong tiếng Việt. Như vậy, 知否 được hiểu là “Có biết không?” (nét nghĩa nghi vấn). Trải qua một đêm thời tiết không được đẹp, tuy mưa nhỏ, nhưng gió thì lại vô cùng to. Thực tế cho thấy hoa hải đường ngoài sân vườn sẽ dễ bị rụng, không còn đẹp như lúc đầu. Tuy nhiên, vì thích hải đường nên Lý Thanh Chiêu không nỡ tự mình ra xem tình trạng của hoa thế nào nên đã thử ước hỏi thị nữ. Tuy nhiên, câu trả lời của thị nữ “hải đường y cựu” chính là bàn đạp gián tiếp cho “tri phủ, tri phủ”, sự xuất hiện của đồng loạt của hai tâm trạng:

(1) Tâm trạng ngạc nhiên và tự vấn: Làm sao có thể sau một đêm gió lớn như vậy mà hoa hải đường vẫn còn như cũ được.

(2) Tâm trạng phản đối và bộc lộ trực tiếp đối với người thị nữ: Người thị nữ đã hơi vô tâm, không để ý kỹ đến câu hỏi mà tác giả muốn hỏi, trả lời một cách sơ sài.

Nếu so sánh giữa các bản dịch thì bản dịch thơ thì Nguyễn Xuân Tảo và Nguyễn Chí Viễn tuy nhìn khái quát thì thấy có sự hiệp luật từ trên xuống dưới nhưng nếu so sánh với nguyên tác đã có nhiều sự thay đổi<sup>9</sup>. Tuy nhiên, các bản dịch vẫn đi theo sát với nguyên tác chữ Hán, chỉ là cách sử dụng từ ngữ của mỗi tác giả sẽ có sự khác nhau. Trong bài từ *Như*

<sup>6</sup> Nguyen, X. T. (translation) & Che, L.V. (introduction). (1999). *Tong tu* [Song Ci]. Literature Publishing House, p.189.

<sup>7</sup> Nguyen, X. T. (translation) & Che, L.V. (introduction). (1999). *Tong tu* [Song Ci]. Literature Publishing House, p.190.

<sup>8</sup> Nguyen, T. V. (1996). *Tuyen tap Tu Trung Hoa – Nhat Ban* [Anthology Ci From China – Japan]. Culture and Information Publishing House, pp.187-188.

<sup>9</sup> Zuóyè yǔ shū fēng zhòu, nóng shuǐ bùxiāo cán jiǔ. Shìwèn juàn lián rén, què dào hǎitáng yǐjiù. Zhī fǒu, zhī fǒu? Yīng shì lǚféi hóng shòu.

*mộng lệnh – Tạc dạ vũ sơ phong sậu* 如梦令 – 昨夜雨疏风骤, điệp ngữ “tri phủ, tri phủ” được tạo ra bởi kết cấu giữa “âm bình + thượng thanh” tạo cảm giác âm điệu trầm đi, theo hướng đi xuống, điều này đã khắc họa tâm trạng tự vấn, nỗi buồn cũng như tình cảm đối với hoa hải đường của tác giả. Từ đó, Lý Thanh Chiêu đi đến kết luận, sau cơn gió tối qua thì hoa đỏ sẽ phải tàn rụng, thứ duy nhất còn sót lại đó chính là màu xanh của lá cây.

Tiếp theo, trong *Thanh thanh mạn* (声声慢) là một trong những tác phẩm thể hiện được khả năng tinh tế cũng như khả năng gợi hình và thụ cảm âm nhạc của Lý Thanh Chiêu:

Nguyên tác	Phiên âm Hán Việt
<p>xúnxúnmìmì lěnglěngqīngqīng qīqīcǎncǎnqīqī                      寻寻觅觅, 冷冷清清, 凄凄惨惨戚戚</p> <p>。乍暖还寒时候, 最难将息。三杯两盏淡酒, 怎敌他晚来风急! 雁过也, 正伤心, 却是旧时相识。</p> <p>满地黄花堆积, 憔悴损, 如今有谁堪摘? 守着窗儿、独自怎生得黑! 梧桐更兼细雨, 到黄昏、                      diǎndiǎndīdī                      点点滴滴。这次第, 怎一个愁字了得?</p>	<p><b>Tầm tầm mịch mịch, lãn lãn thanh thanh, thê thê thảm thảm thích thích.</b> Sạ noãn hoàn hàn thời hậu, tối nan tương tức. Tam bôi lưỡng trản đạm tửu, sạ địch tha vãn lai phong cấp! Nhạn quá dã, chính thương tâm, khước thị cựu thì tương thức.</p> <p>Mãn địa hoàng hoa đôi tích, tiêu tuy tổn, như kim hữu thuỳ kham trích? Thủ trước song nhi, độc tự chằm sinh đắ hắc! Ngô đồng cánh kiêm tế vũ, đáo hoàng hôn, <b>điểm điểm trích trích.</b> Giá thứ đệ, chằm nhất cá sàu tự liễu đắ.</p>

Các bản dịch:

**Bảng 3.** Bảng khảo sát, thống kê các bản dịch từ phẩm “*Thanh thanh mạn*”

Bản dịch của tác giả bài báo	Bản dịch nghĩa của Nguyễn Xuân Tảo	Bản dịch thơ của Nguyễn Xuân Tảo	Bản dịch thơ của Lê Văn Đình, Ngô Như Sâm
<p><i>Tìm tìm kiếm kiếm, lạnh lẽo quạnh quẽ, buồn buồn khổ khổ lo lo.</i> Khí hậu mới ấm lên thì lại trở lạnh, thật khó để nghỉ ngơi. Đôi ba chén rượu thật nhạt nhòa, sao có thể chống nổi cơn gió to vào buổi chiều muộn! Cánh nhạ bay qua, thật đau lòng, nhưng là người bạn cũ.</p>	<p><i>Tìm tìm kiếm kiếm, chỉ thấy lãn lãn, man mát, buồn buồn thảm thảm thương thương.</i> Thì tiết ấm lên lại lạnh, rất là khó ở. Vài ba chén rượu nhạt, chống sao nổi những buổi chiều về gió gáp! Khi chim nhạ bay qua, chính lúc đau lòng, hóa ra vẫn là bạn quen biết ngày xưa.</p>	<p><i>Lãn lãn, giở giở, lạnh lạnh lũng lũng, cảm cảm thương thương nhớ nhớ.</i> Thời tiết ấm lên lại rét, càng thêm khó ở. Rượu nhạt uống đôi ba chén, không chống nổi chiều về gió dữ! Nhạ bay qua, đang đau lòng, lại đúng bạn quen biết cũ.</p>	<p><i>Kiểm kiểm tìm tìm, mát mát lạnh lạnh, chán chán buồn buồn thương thương.</i> Mới ấm lên lại lạnh rồi, thật khó chiều lòng. Dăm ba chén rượu nhạt nhòa, không ngăn nổi chiều về gió dữ! Nhạ bay đi, lòng càng đau, thế mà bạn thân ngày cũ.</p>

<p>Những cành hoa vàng đã phủ khắp mặt đất, giò đây tiêu tụy, hốc hác, ai có thể ngắt lấy nữa? Nhìn ra cửa sổ, chỉ thấy một màu đen kịt! Mưa lất phất trên cây ngô đồng, hoàng hôn buông xuống, <i>tí tách mưa rơi, tí tách mưa rơi</i>. Lần này, khủng khiếp làm sao một chữ “sầu”.</p>	<p>Khắp đất hoa cúc vàng chông chất, giò đây ai là người bẻ được? Giữ trước cửa sổ, một mình chỉ thấy đen kịt thế nào! Cây ngô đồng lại kèm mưa nhỏ, đến buổi hoàng hôn, <i>tùng giọt, từng giọt rơi xuống</i>. Nói tiếp như vậy, một chữ sầu sao mà ghê gớm. (Nguyen, 1999, p.199)</p>	<p>Chông chất hoa vàng khắp chỗ, buồn bực nổi, giò đây còn ai bẻ nữa? Đen kịt như ở kia, một mình giữ bên cửa sổ! Cây ngô đồng gặp mưa bay, buổi hoàng hôn <i>thánh thốt giọt nhỏ</i>. Nói tiếp vậy, ghê gớm sao, sầu kia một chữ. (Nguyen, 1999, pp.199-200)</p>	<p>Hoa vàng dải dày mặt đất, rửa tàn cả, giò đây ai người bẻ được? Dựa cửa nhìn ra, chỉ thấy đen kịt một màu! Mưa bụi trên cây ngô đồng, hoàng hôn xuống, <i>tùng hạt, từng hạt</i>. Rơi lại rơi, một chữ sầu không hết. (Le &amp; Ngo, 2014, pp.209-210)</p>
--	---	---	---

Đối với từ phẩm này, có thể thấy Lý Thanh Chiêu sử dụng điệp ngữ vô cùng dày đặc thông qua các từ láy toàn phần:

(1) Điệp ngữ 寻寻觅觅 [xúnxún mì mì] – tầm tầm mịch mịch. Trong đó, “寻觅” [xún mì] – tìm kiếm, “寻寻” [xúnxún] – vô biên, vô bờ; “觅觅” [mì mì] là từ tượng thanh. Như vậy, khi đối với điệp ngữ này, bên cạnh việc mang nghĩa “tìm kiếm” thì nó còn mang sắc thái mô tả Lý Thanh Chiêu đang tìm kiếm một cái gì đó trong vô vọng, tìm mãi không ngưng.

(2) Điệp ngữ 冷冷清清 [lěnglěng qīngqīng] – lãnh lãnh thanh thanh. Trong đó, “冷清” [lěngqīng] – quạnh quẽ, vắng vẻ, lạnh lẽo, buồn tẻ; “冷冷” [lěnglěng] – lạnh lẽo, lãnh đạm; “清清” [qīngqīng] – sự trống vắng, rõ ràng. Do đó, điệp ngữ này diễn tả sự nặng trĩu, hoang tàn, cô đơn, thê lương, trống vắng rõ ràng trong lòng Lý Thanh Chiêu hoặc cảnh vật xung quanh bà.

(3) Điệp ngữ 凄凄惨惨戚戚 [qīqī cǎncǎn qīqī] – thê thê thảm thảm thích thích. Trong đó, 凄凄 [qīcǎn] – thê thảm, thảm thương; 凄凄 [qīqī] – khổ đau, thê lương, lạnh lẽo; 惨惨 [cǎncǎn] – khốn khổ, buồn phiền, âu sầu; 戚戚 [qīqī] – thì thâm, gợn dáng vẻ lo lắng. Vì vậy, điệp ngữ này thể hiện dáng vẻ và tâm trạng lo lắng, ủ rũ, đau khổ của Lý Thanh Chiêu.

Mở đầu tác phẩm, Lý Thanh Chiêu đã sử dụng một loạt 07 cặp từ láy để gọi tả toàn bộ thế giới nội tâm của bản thân. Trước hết bàn về nội dung, dựa trên những diễn giải phía trên có thể thấy các từ láy đều tập trung khắc họa nội tâm âu sầu, cô đơn của Lý Thanh Chiêu trong một trạng thái vô vọng, mờ mịt không ai có thể biết được chính xác bà đang thật sự

tìm kiếm gì. Tuy nhiên, vẫn có thể lí giải dựa vào hoàn cảnh sáng tác<sup>10</sup> thì có thể thấy Lý Thanh Chiêu đang cố gắng tìm hình bóng của Triệu Minh Thành. Song tìm mãi thì không thấy, do thế mà không gian lúc này cũng trống vắng như tâm hồn bà, sầu não, tiếc thương và cô đơn. Như vậy, hiệu quả của điệp ngữ bằng từ láy toàn phần trong việc thể hiện nội dung chính là khắc họa và gợi tả cảm xúc, không cần bộc lộ trực tiếp, không cần thể hiện quá nhiều, mọi hình ảnh con người, không gian đều hiện lên rõ nét.

Tiếp theo, bàn về nhạc tính, dựa trên bính âm (拼音 pinyin), phiên âm Hán – Việt, chúng tôi nhận thấy có sự đối xứng về mặt thanh điệu, thể hiện được sự hài hòa (với cách ghi thanh theo “bình, thượng, khứ” thì mở bằng “đương bình thanh” và kết bằng “âm bình thanh”; với cách ghi thanh theo “bằng, trắc” thì vẫn mở bằng “thanh bằng” và kết bằng “thanh bằng”). Đồng thời, với tính chất gắn liền với âm nhạc của từ, nên khi câu này được xướng lên (hoặc ngâm đơn thuần), ca nhân vừa hạ tông ở hai tiếng đầu thì lại cất cao, âm thanh bậc ra ngắn ở hai tiếng sau, rồi các tiếng còn lại cứ lừng lơ ở giữa, hạ xuống rồi lại lơ lửng. Sự lên xuống trầm bổng này không chỉ tăng hiệu quả nhạc tính mà còn khắc sâu tâm trạng của Lý Thanh Chiêu (xem Bảng 4):

**Bảng 4.** Bảng thể hiện phiên âm Hán Việt, bính âm từ phẩm “Thanh thanh mạn”

		Nguyên tác	Phiên âm Hán Việt	Bính âm (Cách đọc)
		□ □ □ □ □ □ □ □	Tầm tầm mịch mịch,	Xúnxún mì mì,
		□ □ □ □ □ □ □ □	lãnh lãnh thanh thanh,	lěnglěng qīngqīng,
		□ □	thê thê thăm thăm	qīqī cǎncǎn qīqī.
			thích thích.	
Thanh điệu	Theo “Bình, thượng, khứ”	–	–	DB <sup>11</sup> – DB – KT – KT, TT – TT – AB – AB, AB – AB – TT – TT – AB – AB
	Theo “bằng, trắc”	–	B – B – T – T, T – T – B – B, B – B – T – T	B – B – T – T, T – T – B – B, B – B – T – T – B – B

Ngoài ra, khi đối chiếu giữa những bản dịch với nhau, đối với điệp ngữ “lãnh lãnh thanh thanh”, đa phần Nguyễn Văn Tảo, Lê Văn Đình, Ngô Như Sâm đều dịch nét nghĩa thời tiết mát, dễ chịu hoặc sự tác động của thời tiết đối với tâm trạng và chưa khai thác được nét nghĩa chỉ sự cô đơn, hoang vắng.

<sup>10</sup> Thanh thanh mạn 《声声慢》: Được viết khi bà đang ở phía Nam, sau khi Bắc Tống diệt vong, Triệu Minh Thành mất, ném trái mọi cảm xúc tang thương, ngưng tụ trong lòng, không ai có thể tỏ bày tâm sự nên đã viết bài từ này.

<sup>11</sup> Quy ước viết tắt: DB (thanh dương bình); AB (thanh âm bình); TT (Thanh thượng); KT (Thanh khứ); B (thanh bằng); T (Thanh trắc).



Bên cạnh đó, trong từ phẩm này còn xuất hiện điệp 点点滴滴 – điểm điểm trích trích. Trong đó, 点滴 [diǎndī] – từng li, từng chút, từng tí; 点点 [diǎndiǎn] – vết nhỏ, điểm; 滴滴 – [dīdī] – từng giọt, từ tượng thanh miêu tả sự nhỏ giọt. Điệp ngữ “điểm điểm trích trích” là sự kết cấu giữa “TT – TT – AB – AB” tạo cảm giác âm điệu trầm đi, theo hướng đi xuống rồi lên lơ lửng khoảng chừng. Gọi cho người đọc liên tưởng đến những giọt mưa rơi xuống cây ngô đồng, trĩu lá ngô rồi nước được nẩy lên lại theo quán tính, cứ thế tuần hoàn liên tục. Do đó, điệp ngữ trong câu này vừa gợi tả hình ảnh mưa nhỏ giọt, nhưng cũng vừa gợi âm thanh mưa rơi.

Hơn nữa, trong *Thiền tự thái tang tử* (添字采桑子)<sup>12</sup> là một tác phẩm vừa có điệp ngữ bình thường (điệp cấu trúc) và điệp ngữ bằng cách sử dụng từ láy toàn phần:

Nguyên tác	Phiên âm Hán Việt
<p style="text-align: center;">yīnmǎnzhōngtíng yīnmǎn</p> <p>□ □ □ □ □ □ □ ? □ □ □ □ □ □ □ □</p> <p>zhōngtíng yèyèxīnxīn</p> <p>□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □</p>	<p>Song tiền thùi chủng ba tiêu thụ? <u>Âm mãn trung đình</u>. Âm mãn trung đình, điệp điệp tâm tâm, thử quyền hữu dư thanh.</p>
<p style="text-align: center;">diāndiǎndīlín yín diāndiǎndīlín yín</p> <p>□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □</p> <p>□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □</p>	<p>Thương tâm chảm thượng tam canh vũ, điểm tích lâm dâm. Điểm tích lâm dâm. Sầu tổn bác nhân, bất quán khởi lai thính.</p>

Các bản dịch:

**Bảng 5. Bảng khảo sát, thống kê các bản dịch từ phẩm “Thiền tự thái tang tử”**

Bản dịch của tác giả bài báo	Bản dịch thơ của Nguyễn Chí Viễn
<p>Trước cửa chuôi ai trồng? <u>Sân rọp bóng râm</u>. <u>Sân rọp bóng râm, lá liền lá, tâm liền tâm</u>, cuộn lại nhìn thật đẹp.</p> <p>Canh ba trời mưa, gói đầu mà đau lòng, <u>tí tách mưa rơi không ngừng</u>. <u>Tí tách mưa rơi không ngừng</u>, đau đón bao trùm người Bắc Tống, nghe tiếng này thao thức không ngủ được</p>	<p>Trước sân trồng được hàng cây chuôi, <u>sân rọp lung linh</u>. <u>Sân rọp lung linh, nồn cuộn lá xoè</u>, xoè cuộn thấy xinh xinh.</p> <p>Rầu lòng trên gói mưa đêm vắng, <u>giọt rỏ lanh tanh</u>. <u>Giọt rỏ lanh tanh</u>. Sầu gọi li nhân, nghe lại thấy buồn tênh. (Nguyen, 1996, p.201)</p>

Cụm từ 阴满中庭 – “âm mãn trung đình”. Trong đó, 阴 – bóng râm; 满 – làm cho đầy, đầy, chật; 庭 – sân, đình. Như vậy, 阴满 có nghĩa là bóng râm rọp sân” (bóng của lá cây chuôi) – chủ yếu gợi cảnh. Như vậy, nếu so với bản dịch của Nguyễn Chí Viễn thì từ “lung linh” chưa hợp lí và vượt ra khỏi nguyên tác.

Điệp ngữ 叶叶心心 – điệp điệp tâm tâm: mang ý nghĩa lá và thân cây liền nhau, không tách rời. Nếu liên hệ với hoàn cảnh sáng tác, Lý Thanh Chiêu dường như gửi tình vào lá chuôi. Nỗi nhớ thương chồng, tâm liền tâm, thân thể “liền nhau” nhưng giờ lại xa cách, âm

<sup>12</sup> Một số tài liệu gọi “Thiền tự xú nô nhi 添字丑奴儿”: Được sáng tác sau khi Triệu Minh Thành chết.

ương cách biệt. Điệp ngữ “điệp điệp tâm tâm” được tạo ra bởi kết cấu giữa các thanh “KT – KT – AB – AB” gọi ra cảm giác âm vừa vang lên nhưng lại phải rút về, âm lưng chừng ở giữa không trung rồi từ từ nhỏ dần và biến mất. Điều này, khiến cho người đọc liên tưởng đến tiếng khóc thương của chính tác giả, Lý Thanh Chiêu nói nhưng lại nói trong uất nghẹn, vừa thốt ra song cũng nghĩ đến tình cảnh của bản thân, liền cô đơn giữa cảnh vật xung quanh.

Cụm từ 点滴霖霖 – “điểm tích lâm lâm”. Trong đó, 霖霖 [lín yín] – mưa lâu, mưa dai dẳng. Kết hợp với “điểm tích” phía trước thì ngữ này diễn tả hình ảnh giọt mưa nhỏ bé rơi mãi không ngừng, dai dẳng. Điệp cấu trúc “点滴霖霖/ 点滴霖霖” gọi cảm giác tiếng mưa không ngớt, nhỏ giọt không tạnh, đây là mưa ngoài thực cảnh cũng là mưa trong lòng Lý Thanh Chiêu. Chông chết, tiếng mưa như tiếng khóc than trong lòng.

Như vậy, điệp ngữ trong các trường hợp “叶叶心心”, “点滴霖霖”, “阴满中庭” mang vẻ đẹp gợi hình, gợi thanh giúp người đọc dễ hình dung ra cảnh tượng mà Lý Thanh Chiêu miêu tả.

Ngoài ra, còn một trường hợp vô cùng đặc biệt chính là điệp ngữ bằng láy toàn phần nhưng lại là láy ba lần đối với từ 深 “thâm” trong *Lâm giang tiên* và *Lâm giang tiên – Mai* với “Đình viện thâm thâm thâm kỹ hử” để đặc tả độ sâu của khung cảnh đình viện. Bản thân, “thâm” đã mang ý nghĩa sâu, nhưng trong trường hợp này thì sâu lại càng được tăng lên về mặt bản chất – gợi tả độ sâu thăm thẳm, hun hút, tun hút của đình viện. Qua đó, càng khắc sâu nỗi cô đơn cũng như nỗi buồn hắt hiu của Lý Thanh Chiêu.

Tựu trung, điệp ngữ trong từ phẩm Lý Thanh Chiêu có 02 cách: điệp cấu trúc, điệp ngữ bằng cách sử dụng từ láy toàn phần. Đa phần các từ được điệp lại đều mang ý nghĩa trở tâm trạng, cảm xúc (gợi cảm) của Lý Thanh Chiêu hoặc gợi không gian (gợi cảnh) nơi Lý Thanh Chiêu ở. Số liệu cụ thể như sau:

**Bảng 6.** Bảng thống kê, tần suất xuất hiện của các điệp ngữ trong từ phẩm Lý Thanh Chiêu

	Điệp cấu trúc (1)				Điệp ngữ bằng cách sử dụng từ láy toàn phần (2)			
	Số tác phẩm/ Tổng số tác phẩm chứa điệp ngữ	Tỉ lệ (%)	Số tác phẩm/ Tổng số tác phẩm chứa (1)	Tỉ lệ (%)	Số tác phẩm	Tỉ lệ (%)	Số tác phẩm/ Tổng số tác phẩm chứa (2)	Tỉ lệ (%)
Gợi cảnh	3/42	7,42	3/7	42,86	15/42	35,71	15/35	42,86
Gợi cảm	4/42	9,52	4/7	57,14	20/42	37,62	20/35	57,14

### 3. Kết luận

Điệp ngữ là một trong các yếu tố thể hiện vẻ đẹp trong ngôn ngữ bởi nó gợi được những cảm xúc, đa phần là cảm xúc bi ai (buồn, lạnh lẽo, thảm thương, cô đơn) và gợi cảnh – không gian được gợi hầu hết cũng chứa đựng cảm xúc ảo não, lãnh đạm, hiu quạnh. Ngoài ra, phần lớn các điệp ngữ đều xuất hiện trong những từ phẩm sau khi Triệu Minh Thành chết

hoặc trong khoảng thời gian hai người sống xa cách nhau. Ngoài ra, vẻ đẹp của nhạc tính trong điệp ngữ chính là cách thức vận dụng các thanh điệu sao cho âm hưởng được tạo ra trầm bổng, phù hợp với âm nhạc, nhằm khi hát hoặc ngâm thì nó bộc lộ đúng với xúc cảm bên trong của Lý Thanh Chiêu – điều này phù hợp với tình cảm đã được gợi trước đó.

#### TU LIỆU KHẢO SÁT

- Li, Q. Z. (2005). 《李清照全集》(柯宝成 编著) [*The Complete Works of Li Qingzhao (Edited by Ke Baocheng)*]. Hubei. Changjiang Publishing & Media).
- Li, Q. Z. (2020). 《李清照全集》(奥森友会 编著) *The Complete Works of Li Qingzhao (Edited by Osen Yuhui)*. Hubei. Tianjin People's Publishing House.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Le, B. H., Tran, D. S., & Nguyen, K. P. (Co-editor). (2006). *Tu dien thuat ngu van hoc* [*Dictionary of literary terms*]. Viet Nam Education Publishing House.
- Le, V. D., & Ngo, N. S (choose to translate and edit). (2014). *Cac nu nha tho, tu Luong Tong* [*Female poets, ci poets of the Song Dynasty*]. Labour Publishing House.
- Nguyen, T. V. (1996). *Tuyen tap Tu Trung Hoa – Nhat Ban* [*Anthology Ci From China – Japan*]. Culture and Information Publishing House.
- Nguyen, X. T. (translation) & Che, L.V. (introduction). (1999). *Tong tu* [*Song Ci*]. Literature Publishing House.
- Pham, T. H. (2008). *Khai niem va thuat ngu Li luan van hoc Trung Quoc* [*Concepts and terms Chinese literary theory*]. Literature Publishing House.
- Pham, T. T. T. (2012). *Quan niem “Tin, Dat, Nha” va van de dich van hoc chu Han trong nha truong* [*The concept of “Faithfulness, Comprehensibility, Comformability” and the problem of translating Chinese literature in schools*]. [http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com\\_content&view=article&id=4057:quan-nim-tin-t-nha-va-vn-dch-vn-hc-ch-han-trong-nha-trng&catid=65:han-nom&Itemid=153&lang=vi](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=4057:quan-nim-tin-t-nha-va-vn-dch-vn-hc-ch-han-trong-nha-trng&catid=65:han-nom&Itemid=153&lang=vi)
- Pham, V. A. (2018). *The loai tu Viet Nam thoi Trung dai (Van ban – Tac gia – Tac pham)* [*Viet Nam Ci in the Middle Ages (Text – Author – Works)*]. University of Education Publishers.
- Thieu Chuu (2009). *Han Viet tu dien* [*Sino-Vietnamese Dictionary*]. Thanh Nien Publishing House.

#### THE ART OF REPETITION IN LI QINGZHAO’S SONG CI

**Duong Vinh Hung***Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam**Corresponding author: Duong Vinh Hung – Email: hung.yongxing@gmail.com**Received: December 28, 2023; Revised: March 22, 2024; Accepted: April 24, 2024***ABSTRACT**

*Li Qingzhao stands as one of the great female authors in ancient Chinese literature, achieving a level of artistry on par with her male counterparts. She made significant contributions to the genre by establishing an aesthetic rooted in the concepts of "Bie shi yi jia" (别是一家) and "Ci bi xie lü" (词必协律). These principles emphasize the expression of beauty through tonality, necessitating harmony between words and music while maintaining a clear distinction from poetry. This article approaches Li Qingzhao's writings through the lens of her mastery in employing repetition as a literary device. By analyzing the original meanings of Chinese characters and comparing them with Vietnamese translations, the article demonstrates the effectiveness of repetition in Li Qingzhao's works. Her skillful use of repetition vividly depicts and evokes emotions, predominantly those of sadness, grief, pain, and melancholy, imbuing the evoked spaces with a similarly somber and desolate ambiance that mirrors her emotional state. Ultimately, the article showcases Li Qingzhao's exceptional talent in harnessing the art of repetition, as well as the musical beauty inherent in her ci compositions.*

**Keywords:** aesthetics; Chinese Literature; Li Qingzhao; repetition; Song Ci